TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 403/2026/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 203/2026/TLST-DS ngày 15/4/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP S (theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2026)

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh

Ủy quyền lại cho ông Phan A – Chức vụ: Nhân viên (theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2026)

Bị đơn: Ông Đặng Trần T, sinh năm 1974

Căn cước công dân số: 001074032xxx

Địa chỉ: thôn P, xã P, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2026)

Địa chỉ: thôn P, xã P, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP S (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP S) và ông Đặng Trần T xác nhận:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/3/2023, tính đến ngày 01/6/2026, ông Đặng Trần T còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 496.023.950 đồng (trong đó: nợ gốc là 223.819.150 đồng; nợ lãi là 272.204.800 đồng).

2.2. Về phương thức thanh toán:

Ông Đặng Trần T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ theo 06 kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Kỳ trả nợ thứ nhất: Chậm nhất đến ngày 31/8/2026, ông T phải trả 2.000.000 đồng nợ gốc.

- Kỳ trả nợ thứ hai: Chậm nhất đến ngày 30/9/2026, ông T phải trả 2.000.000 đồng nợ gốc.

- Kỳ trả nợ thứ ba: Chậm nhất đến ngày 31/10/2026, ông T phải trả 2.000.000 đồng nợ gốc.

- Kỳ trả nợ thứ tư: Chậm nhất đến ngày 30/11/2026, ông T phải trả 2.000.000 đồng nợ gốc.

- Kỳ trả nợ thứ năm: Chậm nhất đến ngày 31/12/2026, ông T phải trả 2.000.000 đồng nợ gốc.

- Kỳ trả nợ cuối cùng: Chậm nhất đến ngày 31/01/2027, ông T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại.

Trường hợp ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tại bất cứ phòng dịch nào của Ngân hàng TMCP S.

Thứ tự thanh toán: Thanh toán toàn bộ nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Kể từ ngày 02/6/2026, ông Đặng Trần T phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có

thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về án phí: Ông Đặng Trần T chịu toàn bộ án phí vụ án dân sự sơ thẩm là 11.920.479 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 11.120.530 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008335 ngày 07/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hà Nội;
- Lưu: hồ sơ vụ án; VP/TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn